

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Chăn nuôi; Chuyên ngành: Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thiết

2. Ngày tháng năm sinh: 24/12/1982; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Thụy Trinh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): số 205, đường Lưu Nhon Sâm, khóm Đông Bình, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ, số 554, quốc lộ 61, ấp Hòa Đức, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0932 147900; E-mail: [nthiet@ctu.edu.vn](mailto: nthiet@ctu.edu.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2005 đến năm 2009: Nghiên cứu viên tại Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng, trường đại học Cần Thơ.

Từ năm 2009 đến năm 2011: Học thạc sĩ tại trường Đại học Chulalongkorn, Thái Lan.

Từ năm 2011 đến năm 2014: Giảng viên, phó Bộ môn và trưởng Bộ môn tại Bộ môn Kỹ thuật Nông nghiệp, Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ.

Từ năm 2014 đến năm 2017: Học tiến sĩ tại trường Đại học Chulalongkorn, Thái Lan.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước
Từ năm 2017 đến năm 2018: Giảng viên tại Bộ môn Kỹ thuật Nông nghiệp, Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ.

Từ năm 2018 đến nay: Phó trưởng Khoa, Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ.

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ.

Địa chỉ cơ quan: Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ, số 554, quốc lộ 61, ấp Hòa Đức, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Điện thoại cơ quan: 02932 229 079

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng, năm: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 08 năm 2005; số văn bằng: 639441; ngành: Chăn nuôi – Thú y, chuyên ngành: không; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 09 năm 2011; số văn bằng:; ngành: Chăn nuôi; chuyên ngành: Dinh dưỡng vật nuôi; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Chulalongkorn, Thái Lan

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 07 năm 2017; số văn bằng:; ngành: Sinh lý vật nuôi; chuyên ngành: Sinh lý vật nuôi; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Chulalongkorn, Thái Lan

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi – Thú y – Thủy sản

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu về dinh dưỡng, thức ăn, chọn giống và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố stress lên sự thay đổi sinh lý, năng suất của vật nuôi và cây thức ăn gia súc.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ
- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: đã chủ trì thực hiện hoàn thành 02 đề tài cấp cơ sở, 1 đề tài cấp tỉnh và 01 đề tài cấp bộ; tham gia hoàn thành 01 đề tài cấp tỉnh. Ngoài ra ứng viên đang chủ trì thực hiện 1 đề tài cấp bộ và 01 đề tài cấp tỉnh.
- Đã công bố 50 bài báo khoa học, trong đó 18 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: ứng viên là thành viên của 01 chương sách thuộc nhà xuất bản uy tín là IntechOpen (Anh);
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên luôn có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng. Trong công việc luôn tâm huyết và nỗ lực với nhiệm vụ được giao, giữ gìn danh dự, lương tâm và đạo đức nhà giáo. Luôn có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; đánh giá công tâm đối với người học; tôn trọng nhân cách, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học và đồng nghiệp. Tận tụy với công việc, thực hiện đúng quy chế, quy định của nhà trường và của ngành. Ứng viên luôn có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và điều chỉnh chương trình đào tạo. Không vi phạm các quy định về những điều giảng viên không được làm. Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của người giảng viên và các nhiệm vụ khác được giao. Với những kết quả nêu trên, ứng viên hy vọng mình đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo để được xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2023.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: Ứng viên có 16 năm 06 tháng thâm niên nghiên cứu và giảng dạy, trong đó có 11 năm 06 tháng giảng dạy trình độ đại học và thạc sĩ. Cụ thể thâm niên giảng dạy 06 năm học giảng dạy, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018				2	116.5		116.5/300.9/229.5
2	2018-2019				9			0/162.3/189

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	2019-2020				4	56.4		56.4/162.4/189
03 năm học cuối								
4	2020-2021				2	45	45	90/175.1/154
5	2021-2022			1		45	45	90/194/154
6	2022-2023			1		110		110/179.4/154

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc SKH; tại nước: Thái Lan, năm: 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):.....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Diệu Hiền		HVCH	X		2019-2021	Trường Đại học Cần Thơ	24/06/2022
2	Trương Văn Khang		HVCH	X		2020-2022	Trường Đại học Cần Thơ	23/06/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận tiến sĩ						
1	Milk protein - New research approaches	TK	IntechOpen, Năm 2022	4	Thành viên	Chương 8, từ trang 117 - 127	Số 123/GXN-ĐHCT, ngày 12 tháng 1 năm 2023
2	Công nghệ thức ăn vật nuôi	GT	Nhà xuất bản Trường Đại học Cần Thơ, Năm 2023	5	Thành viên	Chương 3, từ trang 52-64	Số 2365/GXN-ĐHCT, ngày 28 tháng 06 năm 2023

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Không

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ				
1	Đánh giá khả năng thích nghi bộ giống cỏ hòa thảo và họ đậu tại vùng đất phèn Hòa An	Chủ nhiệm	T2012-33, Trường	12 tháng, từ 01/2012 đến 11/2012	Quyết định số 4209/QĐ-ĐHCT, ngày 30 tháng 11 năm 2012, xếp loại tốt
2	Ảnh hưởng của đệm lót sinh học lên năng suất và môi trường nuôi gà tau vàng ở Hậu Giang	Chủ nhiệm	Cấp tỉnh	14 tháng, 07/2013 - 09/2014	Báo cáo tổng kết hoàn thành 07/2014, đạt
II	Sau khi được công nhận tiến sĩ				
1	Nghiên cứu sử dụng bột hoa chuối trong khẩu phần của dê thịt	Chủ nhiệm	T2020-77, Trường	12 tháng, từ 06/2020 đến 05/2021	Quyết định số 5497/QĐ-ĐHCT, ngày 14 tháng 12 năm 2021, xếp loại tốt
2	Nghiên cứu ảnh hưởng của độ mặn trong nước uống đến khả năng tăng trọng và năng suất sữa của dê nuôi	Chủ nhiệm	B2020-TCT-08, Bộ Giáo dục và Đào tạo	24 tháng, 01/04/2020 đến 01/4/2022 và gia hạn thêm	Quyết định số 3201/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2022, xếp loại đạt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	tại tỉnh Bến Tre, Tiền Giang và Trà Vinh			06 tháng 10/2022	
3	Nghiên cứu xây dựng mô hình thử nghiệm nhân giống và nuôi gà rừng tại vùng Thất Sơn tỉnh An Giang	Thành viên	373.2018.10, tỉnh	06/2018 – 06/2021, gia hạn đến tháng 06/2022	Biên bản số 106/BB.HĐKHCN ngày 09 tháng 12 năm 2022, xếp loại khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	Determination of the optimum level of a soybean oil drench with respect to the rumen ecosystem, feed intake and digestibility in cattle	5		Livestock Research for Rural Development/ISSN: 0121-3784	Scopus, Q3, SJR: 0.28	20	Volume 19, Article #117	2007
2	Tình hình chăn nuôi bò thịt vỗ béo ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long	4		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 2, trang 33-41	2012
3	Ảnh hưởng của các nguồn protein từ Dã quỳ (<i>Tithonia diversifolia</i>), Trichanthera và đậu Rong hoang (<i>Psophocarpus scandens</i>) đến lượng ăn vào, tiêu hoá dưỡng chất và môi trường dạ cỏ của dê thịt	3		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 4, trang 25-30	2012
4	Sử dụng cỏ Mồm (<i>Hymenachne acutiglun</i>), Paspalum atratum và Diên điển (<i>Sesbania sesban</i>) để nuôi bò thịt tại vùng	3		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 5, trang 32-37	2012

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	ngập nước ở đồng bằng sông Cửu Long						
5	Ảnh hưởng của Dã quỳ (<i>Tithonia diversifolia</i>), <i>Trichanthera Gigantea</i> và Đậu Rồng hoang (<i>Psophocarpus scandens</i>) trong khẩu phần đến tăng trưởng và tỷ lệ tiêu hóa của dê thịt	2	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X		Số 6, trang 20-27	2012
6	Ảnh hưởng của việc bổ sung hormon sinh trưởng (rbST) đến năng suất sữa và lượng ăn vào của dê lai trong giai đoạn cho sữa sớm	4	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X		Số 7, trang 24-29	2012
7	Effects of partial defaunation and different protein supplement sources on rumen cellulolytic bacteria and methanogens investigated by real-time PCR	4		Proceedings of International Conference: Livestock-Based farming system, Renewable resources and the environment; 6-9 June, Dalat, Vietnam		1-10	2012
8	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng cỏ Voi cỏ Sả trên vùng đất cát phèn Hòa An, Hậu Giang	3	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X		Số 2, trang 65-71	2013
9	Development of <i>Hymenachne Acutigluma</i> and <i>Paspalum Atratum</i> pasture on seasonally waterlogged soil and its use as basal diet for dairy cattle under household conditions	6		Global Journal of Biology, Agriculture, and Health Sciences/ISSN: 2319-5584	1	Số 3, trang 112-115	2014
10	Ảnh hưởng của đậm lót sinh học đến sinh trưởng và môi trường chuồng nuôi của gà tau vàng giai đoạn 1- 35 ngày tuổi	2	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X		Số 2, trang 75-81	2014

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

11	Đánh giá sinh trưởng và năng suất của Bình Linh (<i>leucaena leucocephala</i>), Đậu Biếc (<i>clitoria ternatea</i>) và Đậu Rồng Hoang (<i>psophocarpus scandes</i>) trên đất phèn Hòa An- Hậu Giang	3		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 4, trang 89-96	2014
12	Ảnh hưởng của nguyên liệu làm đệm lót sinh học đến năng suất và môi trường chuồng nuôi gà tàu vàng sinh sản	4	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 10, trang 82-90	2014
13	Ảnh hưởng của nguyên liệu làm đệm lót và men balasa N01 lên sinh trưởng và môi trường chuồng nuôi gà Tàu vàng giai đoạn từ 5 đến 12 tuần tuổi	4	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			Số 44, trang 119-126	2016
14	Khảo sát ảnh hưởng của việc bổ sung premix khoáng - vitamin lên sinh lý máu và tăng trọng heo thịt từ 40 kg đến xuất chuồng	4	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			Số 45, trang 01-06	2016
15	Short-term effect of coconut oil supplementation on meal pattern in crossbred dairy goats fed under tropical environment	4		Thai journal of Veterinary medicine/ISSN: 0125-6491	Scopus, Q4, IF: 0.439		47(4): 465-473	2017
II Sau khi được công nhận TS								
16	Dietary cation and anion difference: Effects on milk production and body fluid distribution in lactating dairy goats under tropical conditions	4	x	Animal science journal/ISSN: 1740-0929	SCIE/Scopus, Q1, IF: 1.35	14	Số 89, trang 105-113	2018
17	Tính năng sản xuất của cỏ voi (<i>Pennisetum Purpureum</i>), cỏ sả (<i>Panicum Maximum</i>),	3		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 9, trang 46-52	2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	cỏ mồm (<i>Hymenachne acutigluma</i>) và lúa ma (<i>Oryza rufipogon</i>) tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp							
18	Effects of urea, soybean meal and blood and feather meal mixture on rumen characteristics and performance of Brahman crossbred cattle	6		Livestock Research for Rural Development/ISSN: 0121-3784	Scopus, Q4, SJR: 0.22	3	Volume 31, Article #86	2019
19	The effect of dietary ions difference on drinking and eating patterns in dairy goats under high ambient temperature	4	x	Asian-Australasian Journal of Animal Sciences/ISSN: 1011-2367	SCIE, Scopus, Q1, IF: 1.664	8	32(4): 599-606	2019
20	Ảnh hưởng của tỷ lệ cám gạo đến chất lượng ủ chua của thân lá khoai môn (<i>colocasia esculenta</i>)	4		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 3, trang 52-57	2019
21	Effects of dietary cation and anion difference on eating, ruminal function and plasma leptin in goats under tropical condition	4	x	Asian-Australasian Journal of Animal Sciences/ISSN: 1011-2367	SCIE, Scopus, Q1, IF: 2.509	1	Số 33, trang 941-948	2020
22	Ảnh hưởng của thời gian chịu hạn lên khả năng sinh trưởng, năng suất và sự thay đổi sinh lý của cỏ <i>Paspalum atratum</i> được trồng trong nhà lưới	3	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 254, trang 73-78	2020
23	Khả năng sinh trưởng và năng suất của cỏ <i>Paspalum atratum</i> và cỏ sả trong điều kiện hạn	3	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 254, trang 78-84	2020
24	Ảnh hưởng của thời gian chịu hạn lên khả năng sinh trưởng, năng suất và thành phần hóa học của cỏ sả (<i>Panicum maximum</i>)	3	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 254, trang 84-89	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	được trồng trong nhà lưới							
25	Ảnh hưởng của việc bổ sung khoáng chất và vitamin từ các nguồn khác nhau lên tăng khối lượng và chất lượng thân thịt của cút Nhật Bản	6		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 252, trang 55-60	2020
26	Effects of substituting taro (<i>Colocasia esculenta</i>) wastes silage in diets on growth and nutrient digestibility in pigs	7		Journal of Animal Health and Production/ISSN: 2308-2801	Scopus, Q4, IF: 0.65		9(2), 112-118	2021
27	Ảnh hưởng của bổ sung bột hoa chuối lên lượng ăn vào và tỷ lệ tiêu hóa dưỡng chất của dê thịt lai	3	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 271, trang 51-55	2021
28	Khả năng thích nghi của dê thịt lai khi uống nước nhiễm mặn lên khối lượng, tăng khối lượng và một số chỉ tiêu sinh hoá máu	4	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 263, trang 63-70	2021
29	Ảnh hưởng của nước muối lên khả năng tăng trọng và năng suất sữa của dê	4	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ/ISSN: 1859-2333			Số chuyên đề SDMD, trang 48-55	2022
30	Water and feed intakes, weight gain and plasma stress hormones of growing Boer crossbred and Bach Thao goats consuming with diluted seawater	2	x	Livestock Research for Rural Development/ISSN: 0121-3784	Scopus, Q3, SJR: 0.26		Volume 34, Article #95.	2022
31	Effect of cricket meal substituted soybean meal in the diet of white-eared Junglefowl (<i>Gallus gallus</i>) on feed intake and weight gain	3	x	Livestock Research for Rural Development/ISSN: 0121-3784	Scopus, Q3, SJR: 0.26		Volume 34, Article #69	2022
32	Analysis of bacterial community in rumen fluid of cattle supplemented with	10		Animal production science/ISSN: 1836-5787	SCIE/Scopus, Q2, IF: 1.57		62, 1353-1361	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	different protein and energy sources							
33	Using banana leaf and pseudo-stem (<i>Musa spp</i>) silage substituted rice bran in the diet of growing wild crossbred boar	4	x	Livestock Research for Rural Development/ISSN: 0121-3784	Scopus, Q3, SJR: 0.26		Volume 34, Article #58	2022
34	The effects of high saline water on physiological responses, nutrient digestibility and milk yield in lactating crossbred goats	4	x	Livestock Research for Rural Development/ISSN: 0121-3784	Scopus, Q3, SJR: 0.26		Volume 34, Article #37	2022
35	Effects of high salinity in drinking water on behaviors, growth, and renal electrolyte excretion in crossbred Boer goats under tropical conditions	4	x	Veterinary World/ISSN: 2231-0916	ESCI/Scopus, Q2, SJR: 0.43	2	15(4): 834-840	2022
36	Silage made from leaves and petioles of Taro (<i>Colocasia esculenta</i>) supported better growth and feed conversion in crossbred cattle than silage made from maize stover	4	x	Livestock Research for Rural Development/ISSN: 0121-3784	Scopus, Q3, SJR: 0.26		Volume 34, Article #105	2022
37	Effects of probiotics (<i>Lactobacillus plantarum</i> and <i>Bacillus subtilis</i>) supplementation on mortality, growth performance and carcass characteristics of native broilers challenged with <i>Salmonella Typhimurium</i>	9		Veterinary World/ISSN: 2231-0916	ESCI/Scopus, Q2, SJR: 0.43	1	15(9): 2302–2308	2022
38	Đặc điểm ngoại hình và năng suất sinh sản của gà mái nòi Bến Tre thế hệ F0 và F1 theo màu lông	2	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 283, trang 13-18	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

39	Molecular markers and their application for livestock production in Vietnam	4		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 279, trang 02-08	2022
40	Khả năng sinh trưởng của gà rừng tai trắng (<i>Gallus gallus gallus</i>) giai đoạn 0-12 tuần tuổi	5	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 281, trang 11-15	2022
41	Đặc điểm ngoại hình và tập tính lựa chọn thức ăn của gà rừng tai trắng (<i>Gallus gallus gallus</i>) tại huyện Tịnh Biên - tỉnh An Giang	4	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 282, trang 02-07	2022
42	Ảnh hưởng của độ mặn trong nước uống lên năng suất sữa và sự bài thải chất điện giải của dê sữa	4	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 275, trang 85-90	2022
43	Ảnh hưởng của mức độ mặn trong nước uống lên lượng thức ăn, nước uống, tăng khối lượng và chỉ tiêu sinh lý của dê thịt	3	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 274, trang 69-75	2022
44	Effects of maize and molasses supplementation with different levels in diets on growth performance of New Zealand White crossbred rabbits	3		Livestock Research for Rural Development/ISSN: 0121-3784	Scopus, Q3, SJR: 0.26		Volume 35, Article #29	2023
45	Effects of dietary energy levels from Tra fish (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) oil supplementation on dry matter intake, weight gain and FCR of local chicken under tropical conditions	2	x	Livestock Research for Rural Development/ISSN: 0121-3784	Scopus, Q3, SJR: 0.26		Volume 35, Article #2	2023
46	Effect of urea treatment and preservation duration on chemical composition of rice straw offer for growing Sind crossbred cattle	2	x	Livestock Research for Rural Development/ISSN: 0121-3784	Scopus, Q3, SJR: 0.26		Volume 35, Article #41	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

47	Ngưỡng chịu mặn và ảnh hưởng của nước biển pha loãng lên năng suất của dê bách thảo	4	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 286, trang 74-79	2023
48	Hiệu quả tài chính mô hình nuôi dê thịt tại tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh	3	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 287, trang 67-74	2023
49	Năng suất và thành phần hóa học của cỏ Paspalum (<i>Paspalum Atratum</i>) và Setaria (<i>Setaria Sphacelata</i>) được trồng trên vùng đất phèn Hòa An, Hậu Giang	2	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 288, trang 89-93	2023
50	Hiệu quả kinh tế mô hình nuôi gà thịt trên đệm lót sinh học tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	2	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi/ISSN: 1859-476X			Số 284, trang 62-67	2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS là 11 bài, bao gồm các bài ở vị trí số 16, 19, 21, 30, 31, 33, 34, 35, 36, 45, 46.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tổ tự đánh giá CTĐT Nông học-Chuyên ngành Kỹ thuật Nông nghiệp	Tham gia	Quyết định số: 1031/QĐ-ĐHCT, ngày 11 tháng 4 năm 2018	Trường Đại học Cần Thơ		
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): đủ

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Năm học 2018 – 2019 thiếu 94,5 giờ; năm học 2019 – 2020 thiếu 38,1 giờ.

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Năm học 2018 – 2019 thiếu 26,7 giờ; năm học 2019 – 2020 thiếu 26,6 giờ.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT
(UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học: đủ

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thợt